

Số: 215 /QĐ-MNHH

Quận 7, ngày 10 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị Định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ vào Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 để thực hiện công tác sửa chữa các cơ sở hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của trường Mầm non Hoa Hồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ công chức, viên chức trường Mầm non Hoa Hồng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bảng tin tại đơn vị;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh

Quận 7, ngày 10 tháng 07 Năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm Non Hoa Hồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 6 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	14.582	7.470	51%	199%
1	Lệ phí,phí	950	471	50%	222%
1.1	Lệ phí				
1.2	Thu hoạt động cung ứng,dịch vụ (học phí công lập)	950	471	50%	154%
2	Thu sự nghiệp khác	8.654	4.572	53%	227%
2.1	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.153	623	54%	232%
2.2	- Vệ sinh bán trú	109	64	59%	256%
2.3	- Thiết bị vật dụng bán trú	96	2	2%	50%
2.4	- Năng khiếu vẽ	290	155	53%	199%
2.5	- Năng khiếu nhp điệu	331	178	54%	200%
2.6	- Năng khiếu Anh văn	1.681	901	54%	289%
2.7	- Năng khiếu Kỹ năng sống	334	179	54%	381%
2.8	- Năng khiếu Steam	653	350	54%	376%
2.9	- Năng khiếu Gokids	1.633	875	54%	346%
2.10	- Năng khiếu CSVC mô hình tiên tiến	1.108	610	55%	550%
2.11	- KP trả NV nuôi dưỡng	495	265	54%	#DIV/0!
2.12	- Phục vụ ăn sáng	475	206	43%	#DIV/0!
2.13	- Ngoại khóa	292	161	55%	278%
2.14	- Lãi NH	4	3	63%	250%
3	Thu hộ,chi hộ	4.978	2.427	49%	169%
3.1	Tiền ăn bán trú	3.326	1729	52%	215%
3.2	Tiền ăn sáng	1.275	602	47%	161%
3.3	Học phẩm,học liệu	95	2	2%	100%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 6 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.4	Tiền điện máy lạnh	133	71	53%	263%
3.5	Tiền nước uống	71	21,015	30%	#DIV/0!
3.6	Tiền khám sức khỏe BD	11	0,08	1%	#DIV/0!
3.7	Tiền sổ liên lạc điện tử	50	2	4%	200%
3.8	Tiền BH tai nạn	17	0	0%	#DIV/0!
	Chi từ nguồn thu được để lại				
	Chi sự nghiệp				
II	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.582	5.108	35%	139%
I	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
	Nguồn ngân sách trong nước				
B	Chi quản lý hành chính				
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
1.1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
1.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
2.1	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
	năng				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15.153	6.147	41%	197%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.076	4.962	41%	159%
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.077	1.185	39%	93%

Ngày 10 tháng 07 năm 2024

Hiệu Trưởng



Trần Thị Tú Trinh

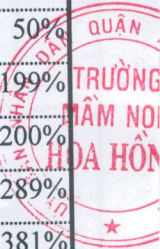
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường MN Hoa Hồng
Chương: 622 - 071

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Đính kèm biểu 03 - Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	14.582	7.470	51%	199%
1.1	Thu phí, lệ phí		0		
1.2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	950	471	50%	222%
	- Dịch vụ công (học phí)	950	471	50%	154%
1.3	Thu sự nghiệp khác	8.654	4.572	53%	227%
	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.153	623	54%	232%
	- Vệ sinh bán trú	109	64	59%	256%
	- Thiết bị vật dụng bán trú	96	2	2%	50%
	- Năng khiếu vẽ	290	155	53%	199%
	- Năng khiếu nhện điệu	331	178	54%	200%
	- Năng khiếu Anh văn	1.681	901	54%	289%
	- Năng khiếu Kỹ năng sống	334	179	54%	381%
	- Năng khiếu Steam	653	350	54%	376%
	- Năng khiếu Gokids	1.633	875	54%	346%
	- Năng khiếu CSVN mô hình tiên tiến	1.108	610	55%	550%
	- KP trả NV nuôi dưỡng	495	265	54%	#DIV/0!
	- Phục vụ ăn sáng	475	206	43%	#DIV/0!
	- Ngoại khóa	292	161	55%	278%
	- Lãi NH	4	2,5	63%	250%
1.4	Thu hộ chi hộ	4.978	2.427	49%	169%
	Tiền ăn bán trú	3.326	1.729	52%	215%
	Tiền ăn sáng	1.275	602	47%	161%
	Học phẩm, học liệu	95	2	2%	100%
	Tiền điện máy lạnh	133	71	53%	263%
	Tiền nước uống	71	21,015	30%	#DIV/0!
	Tiền khám sức khỏe BĐ	11	0	1%	#DIV/0!
	Tiền số liên lạc điện tử	50	2	4%	200%



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Tiền BH tai nạn	17	0	0%	#DIV/0!
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí ngân sách nhà nước	15.153	6.147	41%	197%
	Loại 070, khoản 071				
	* Mục 6000	4.888	2.604	53%	314%
	Tiểu mục 6001	3.044	1.703	56%	264%
	Tiểu mục 6051	1.844	901	49%	437%
	* Mục 6100	1.856	957	52%	241%
	Tiểu mục 6101	60	33	55%	254%
	Tiểu mục 6105	316	96	30%	61%
	Tiểu mục 6112	1.080	603	56%	266%
	Tiểu mục 6115	400	225	56%	292%
	* Mục 6300	832	459	55%	213%
	Tiểu mục 6301	596	331	56%	207%
	Tiểu mục 6302	108	59	55%	211%
	Tiểu mục 6303	72	39	54%	205%
	Tiểu mục 6304	36	20	56%	222%
	Tiểu mục 6349	20	10	50%	200%
	* Mục 6400	6.921	1.981	94%	416%
	Tiểu mục 6449	6.921	1.981	29%	140%
	* Mục 6500	188	110	59%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6501	48	29	60%	88%
	Tiểu mục 6502	140	81	58%	#DIV/0!
	* Mục 6550	48	12	25%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6551	48	12	25%	#DIV/0!
	* Mục 6700	8	5	63%	167%
	Tiểu mục 6704	8	5	63%	167%
	* Mục 6750	12	4	33%	33%
	Tiểu mục 6754	12	4	33%	200%
	* Mục 7000	400	15	4%	88%
	Tiểu mục 7001	250	-	0%	#DIV/0!
	Tiểu mục 7049	150	15	10%	750%
2	Kinh phí nguồn thu sự nghiệp	8.654	3.028	35%	165%
	Loại 070, khoản 071				
	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.153	430	37%	117%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	- Vệ sinh bán trú	109	38	35%	152%
	- Thiết bị vật dụng bán trú	96	0	0%	0%
	- Năng khiếu vẽ	290	108	37%	96%
	- Năng khiếu nhịp điệu	331	118	36%	92%
	- Năng khiếu Anh văn	1.681	623	37%	130%
	- Năng khiếu Kỹ năng sống	334	119	36%	175%
	- Năng khiếu Steam	653	249	38%	196%
	- Năng khiếu Gokids	1.633	650	40%	175%
	- Năng khiếu CSVN mô hình tiên tiến	1.108	127	11%	118%
	- KP trả NV nuôi dưỡng	495	254	51%	#DIV/0!
	- Phục vụ ăn sáng	475	158	33%	#DIV/0!
	- Ngoại khóa	292	154	53%	#DIV/0!
	- Lãi NH	4	0,08	2%	38%
3	Kinh phí nguồn thu hộ chi hộ	4.978	2.062	41%	112%
	Loại 070, khoản 071				
	Tiền ăn bán trú	3326	1327	40%	113%
	Tiền ăn sáng	1275	618	48%	95%
	Học phẩm, học liệu	95	0	0%	0%
	Tiền điện máy lạnh	133	72	54%	360%
	Tiền nước uống	71	24	34%	#DIV/0!
	Tiền khám sức khỏe BĐ	11	16	145%	#DIV/0!
	Tiền số liên lạc điện tử	50	4	8%	#DIV/0!
	Tiền BH tai nạn	17	0,94	6%	#DIV/0!
4	Nguồn thu dịch vụ	950	18	2%	46%
	Loại 070, khoản 071				
	- Dịch vụ công (học phí)	950	18	2%	46%

III. Đánh giá :

- Phần thu học phí công và sự nghiệp trong 6 tháng năm 2024 đơn vị thực hiện được 50% so với DT năm và đạt 15% với cùng kỳ năm ngoái là do sĩ số trẻ giảm.

- Về phần ngân sách: Các mục về lương và phụ cấp (6000-6300) tăng so với cùng kỳ năm ngoái do mức lương cơ sở tăng lên 1.800.000 đồng

- Các khoản thu: Phục vụ ăn sáng, kp trả cho NV nuôi dưỡng, tiền nước uống phát sinh khoản thu từ T9/23 theo NQ04/2023 của UBND TP nên chưa có số thu để so sánh tỉ lệ với cùng kỳ năm ngoái.

- Các khoản thu hộ, chi hộ như tiền ăn sáng, tiền ăn bán trú vì sĩ số trẻ giảm nên tỉ đạt từ 49% so với cùng kỳ năm ngoái

- Về thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước : Trong kỳ đã thực hiện nộp thuế môn bài, thuế TNCN, thuế TNDN đúng 1 gian quy định.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước

- Đảm bảo các chế độ, chính sách cho CB-GV-CNV, cân đối các nguồn thu. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ sát khuẩn, khử trùng, tăng cường biểu ngữ tuyên truyền phòng chống dịch nhằm thực hiện tốt về phòng chống dịch tay chân miệng cho trẻ trong đơn vị.

Ngày 10 tháng 07 năm 2024

Hiệu Trưởng



Trần Thị Tú Trinh